

Bản án số: **61/2018/HS-PT**

Ngày: 20-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Ông **Đinh Văn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **16/2018/HS-PT** ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Tường V. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số **66/2017/HS-ST** ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị Tường V**, sinh năm 1991 tại huyện B, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Tổ 13, thị trấn L, huyện B, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T3, sinh năm 1941 và bà Phan Thị L1, sinh năm 1950; có chồng là Nguyễn T, sinh năm 1991 (hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ); có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt vào ngày 01/8/2017, đến ngày 07/8/2017 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 15h10' ngày 01/8/2017 tại phòng số 7, nhà nghỉ T1 (do anh *Bùi Văn VI*, SN: 1983, trú: Tr, xã N - làm chủ) thuộc thôn Tr, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Nam, Công an huyện B bắt quả tang Nguyễn Thị Tường V đang có hành vi bán ma túy cho anh Nguyễn Công Đ1 và anh Nguyễn Công S. Vật chứng

thu giữ của anh Nguyễn Công Đ1 là 01 gói ma túy và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng bên trong có chứa một sim di động số 0934928591. Thu giữ của Nguyễn Thị Tường V 04 gói ma túy được giấu trong khẩu trang y tế màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell bên trong có chứa một sim di động số 01222511422 và số tiền 460.000 đồng

Qua làm việc các đối tượng khai nhận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01/8/2017, anh Nguyễn Công Đ1 và anh Nguyễn Công S đến thuê phòng số 7, nhà nghỉ T1 để mua ma túy về sử dụng. Sau đó, anh Đ1 lấy điện thoại di động có số thuê bao 0934928591 của mình gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Tường V (*có số thuê bao 01222511422*) để hỏi mua ma túy. V đồng ý bán ma túy và được anh Đ1 cho địa chỉ nhà nghỉ T1 để V đến bán ma túy. Đến khoảng 15h10' cùng ngày, V vào phòng số 7, nhà nghỉ T1 gặp anh Đ1 và anh S. Anh Đ1 đưa cho V số tiền 460.000 đồng, V bán cho anh Đ1 01 gói ma túy thì bị lực lượng Công an huyện B bắt quả tang.

Ngoài ra, quá trình điều tra Nguyễn Thị Tường V còn khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2017 đến ngày bị bắt, V đã nhiều lần liên hệ với một người đàn ông tên C (*không rõ họ, địa chỉ cụ thể*) ở thành phố N1 qua Zalo của V có tên Tường V với số điện thoại 0988707664 (*số điện thoại này V đã làm mất trước khi bị bắt*) để mua ma túy về bán lại cho người khác kiếm lời. V thường liên hệ với C qua Zalo rồi hẹn nhau ở khu vực gần cầu H, thành phố N1 để mua bán ma túy. Có khi C trực tiếp giao ma túy cho V, có khi C chỉ chỗ để ma túy cho V, V lấy ma túy và để tiền nơi C để ma túy. Tổng cộng, V đã mua ma túy của C khoảng 15 lần (*không nhớ rõ trọng lượng mỗi lần mua là bao nhiêu*), mỗi lần mua một gói ma túy với giá từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Khi mua ma túy về, V chia nhỏ ma túy ra từ 05 đến 07 gói, mỗi gói V bán với giá từ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đến 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*).

Phương thức mua bán ma túy của V là: Khi có người cần mua ma túy thì gọi vào số điện thoại di động 01222.511.422 của V, V sẽ hẹn địa điểm, thời gian để thực hiện việc mua bán ma túy. V đã nhiều lần bán ma túy cho nhiều thanh niên trên địa bàn thị trấn L và xã N, huyện B. V đã bán ma túy cho anh Nguyễn Công Đ1 02 lần 02 gói ma túy với giá 800.000 đồng, chị Trần Thị P 03 lần với giá 900.000 đồng, anh Nguyễn Văn T2 02 lần với giá 1000.000 đồng, anh Phạm Vũ B1 02 lần với giá 600.000 đồng. Ngoài ra, V còn bán ma túy cho nhiều người khác nhưng V không biết tên, tuổi, địa chỉ.

Tại bản Kết luận giám định số: 113/PC54 ngày 04/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 05 (*năm*) gói ni lông (*từ mẫu A1 đến A5*) trong bì thư ghi chữ số "1" và bì thư ghi chữ số "2" gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine và có tổng khối lượng là 0,641 gam.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số **66/2017/HS-ST** ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Tường V** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 194; các điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Tường V 30** (Ba mươi) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam trước 07 ngày (từ ngày 01/8/2017, đến ngày 07/8/2017); thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009): Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Tường V 5000.000 đ (Năm triệu đồng) đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 10/12/2017, bị cáo Nguyễn Thị Tường V kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hành vi 15 lần mua và rất nhiều lần bán trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Thị Tường V nên bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật, mức án dưới khung hình phạt quy định và không nặng; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, cơ quan điều tra chỉ chứng minh được 09 lần bị cáo bán ma túy thu lợi số tiền 3.300.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa để tuyên truy thu số tiền 14.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước là bất lợi cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và tuyên truy thu số tiền 3.300.000 đồng của bị cáo để sung công quỹ nhà nước

Bị cáo không tranh luận, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Tường V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định khoa học hình sự, lời khai của những người liên quan và các tài liệu chứng cứ được cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2017 đến ngày bị bắt quả tang (ngày 01/8/2017), bị cáo đã 15 lần mua ma túy của một đối tượng tên C (không rõ lai lịch) về chia nhỏ ra bán lại rất nhiều lần cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 66/2017/HS-ST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam đã kết án bị cáo Nguyễn Thị Tường V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra đối với con người và xã hội; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tường V 30 tháng tù, mức án thấp dưới khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là đã thể hiện tính khoan hồng, không nặng và không cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ, đáp ứng được yêu cầu giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng đi tù, con còn nhỏ dại, nhưng các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và bị cáo tự nguyện nộp số tiền phạt bổ sung 5.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về xin hưởng án treo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về phần xử lý vật chứng, đối với khoản tiền do bị cáo mua bán trái phép chất ma túy mà có thì thấy: Cơ quan điều tra chứng minh có căn cứ bị cáo đã bán cho Nguyễn Công Đ1 02 lần thu số tiền 800.000 đồng, bán cho Trần Thị P 03 lần thu số tiền 900.000 đồng, bán cho Nguyễn Văn T2 02 lần thu số tiền 1.000.000 đồng, bán cho Phạm Vũ B1 02 lần thu số tiền 600.000 đồng. Tổng cộng 09 lần, thu lợi số tiền 3.300.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo V còn bán ma túy nhiều lần cho nhiều người khác nhưng bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa “bị cáo bán 14 lần và thu số tiền khoảng 14.000.000 đồng) để tuyên truy thu số tiền này sung công quỹ Nhà nước là không phù hợp với các chứng cứ khác, gây bất lợi cho bị cáo. Căn cứ Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng đối với khoản tiền do bị cáo mua bán ma túy mà có để truy thu sung công quỹ Nhà nước là 3.300.000 đồng.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Tường V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị Tường V**, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 194; các điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Tường V 30** (Ba mươi) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ trước là **07** (Bảy) ngày (từ ngày 01/8/2017 đến ngày 07/8/2017).

- Áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009): xử phạt bổ sung bằng tiền bị cáo Nguyễn Thị Tường V **5.000.000** đ (Năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước. Bị cáo đã nộp **5.000.000** đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 006475 ngày 12/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Nam. (Bị cáo đã thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung).

2. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng.

Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Tuyên truy thu số tiền **3.300.000** đ (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Tường V thu lợi bất chính mà có để sung công quỹ Nhà nước.

3. Bị cáo Nguyễn Thị Tường V phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 20/3/2018.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 27 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thế Cẩm

